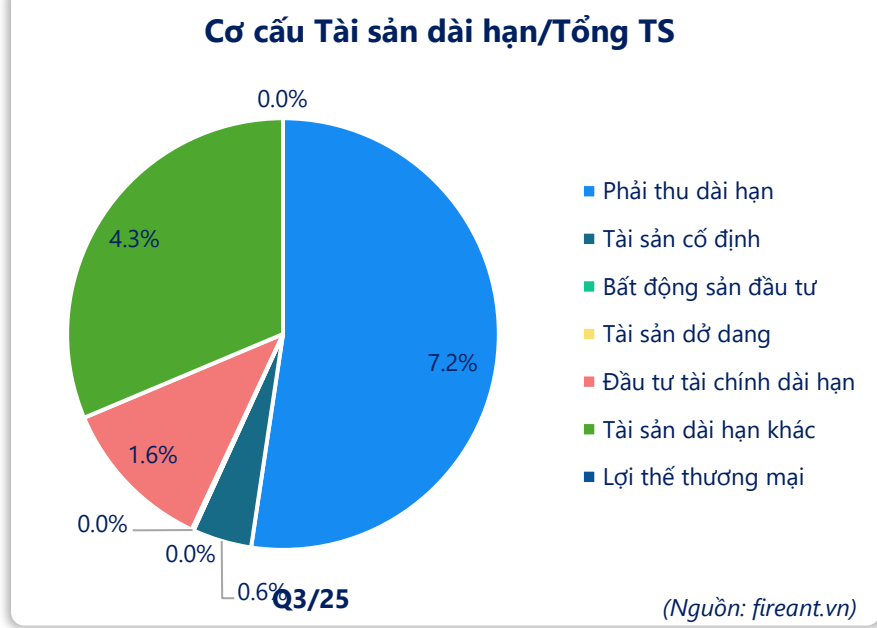
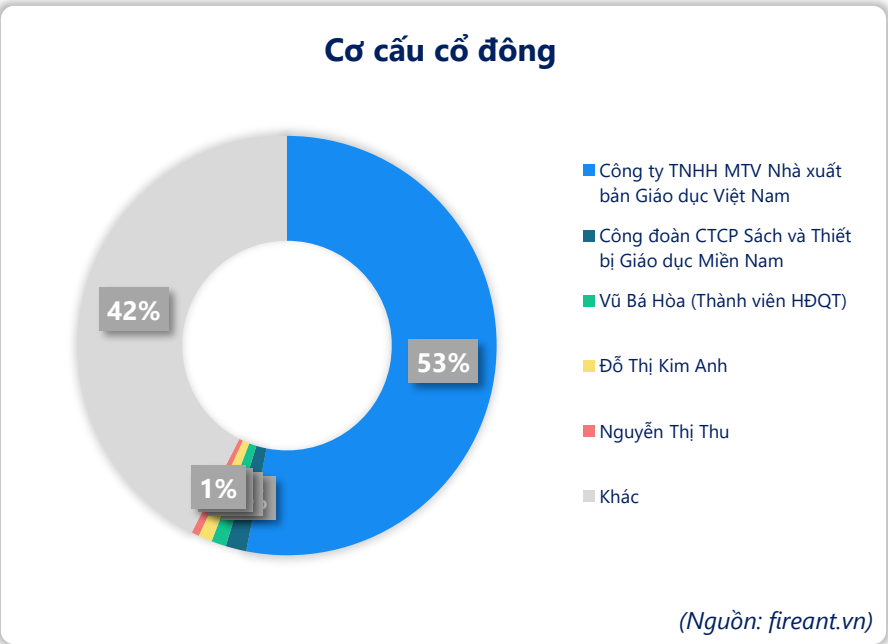
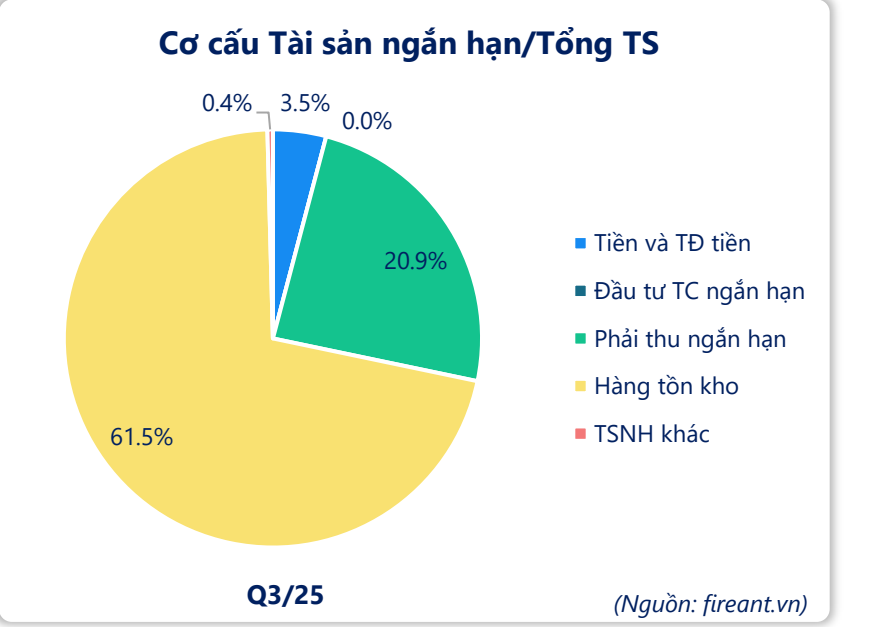
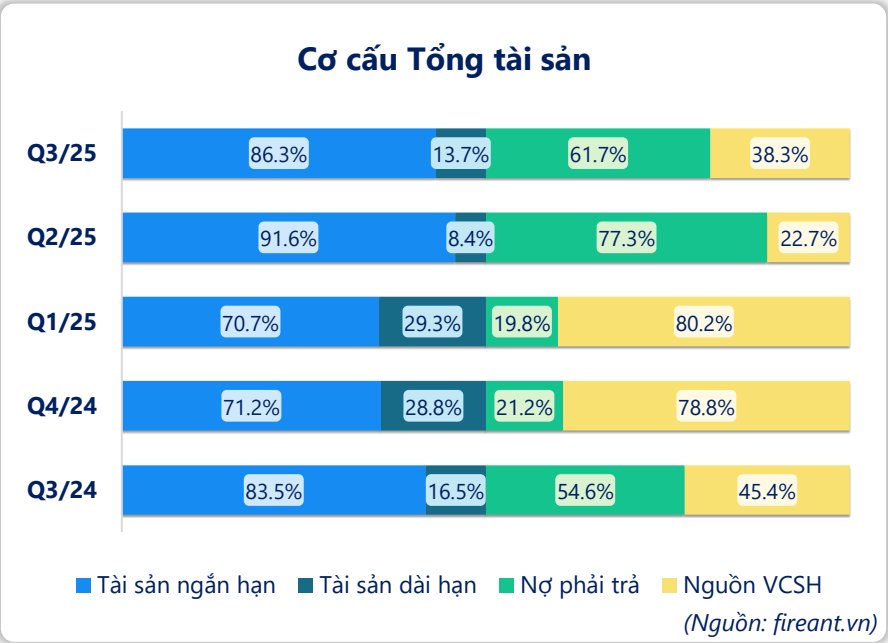
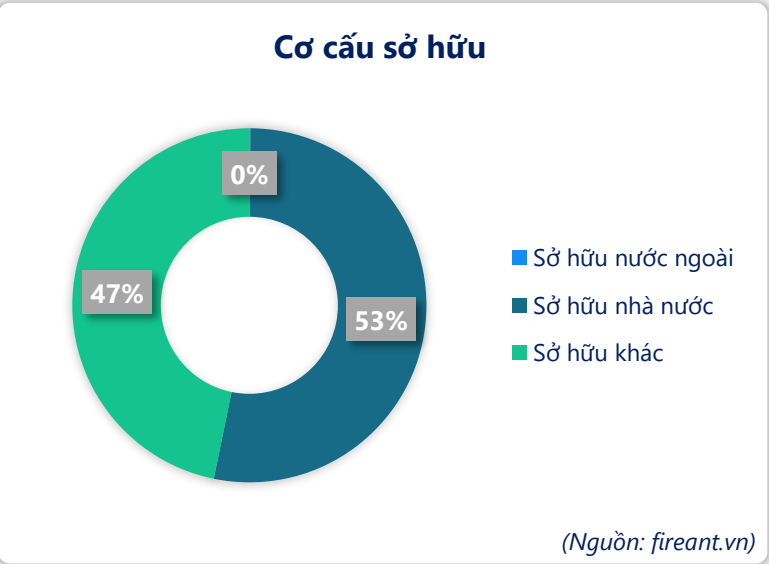
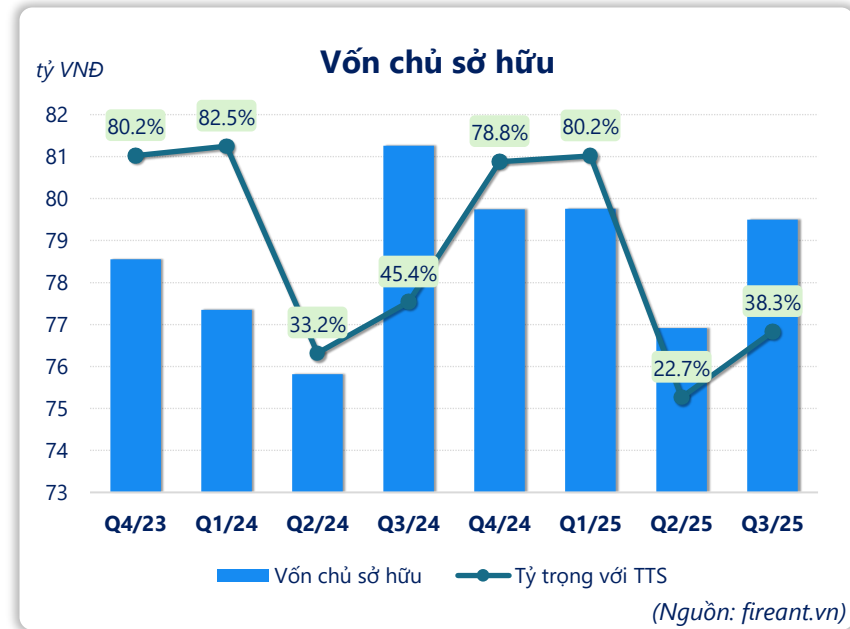
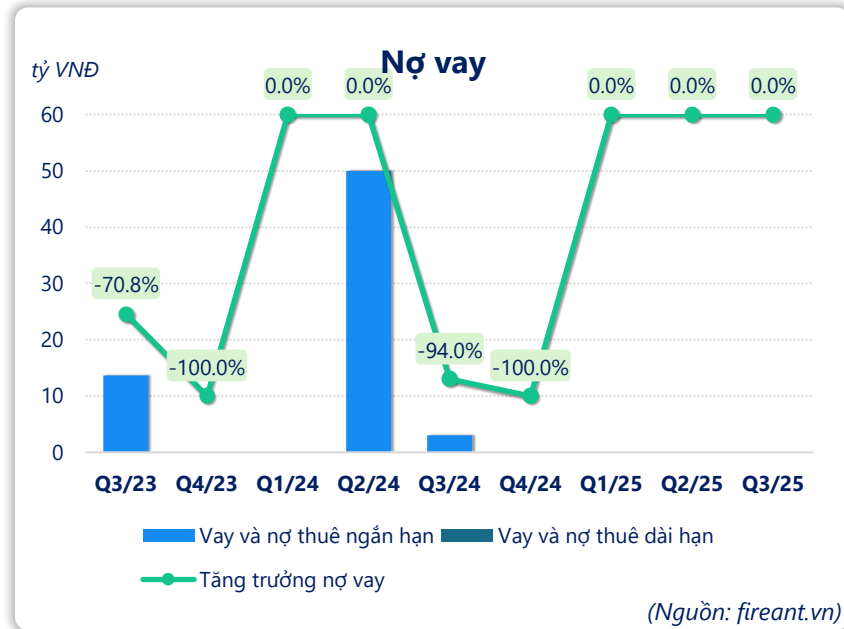
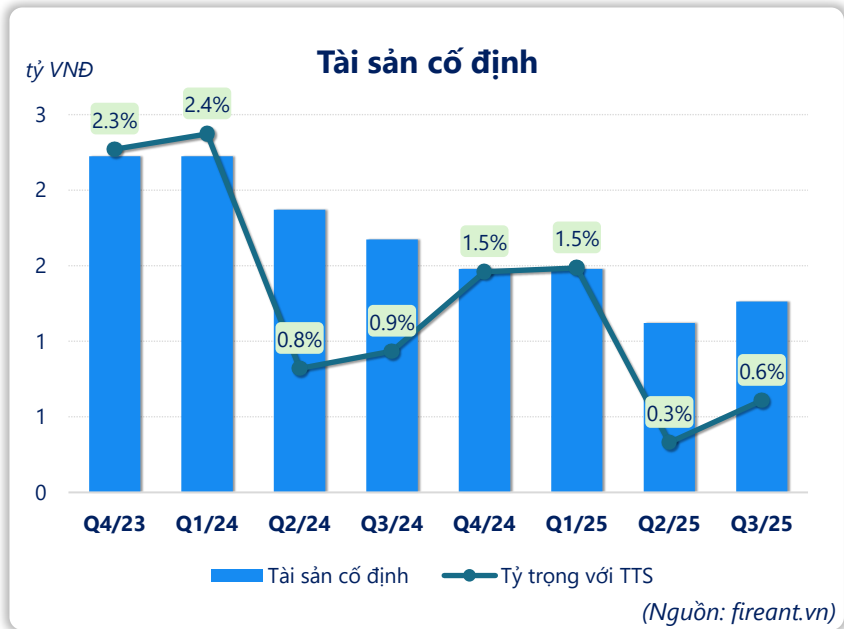
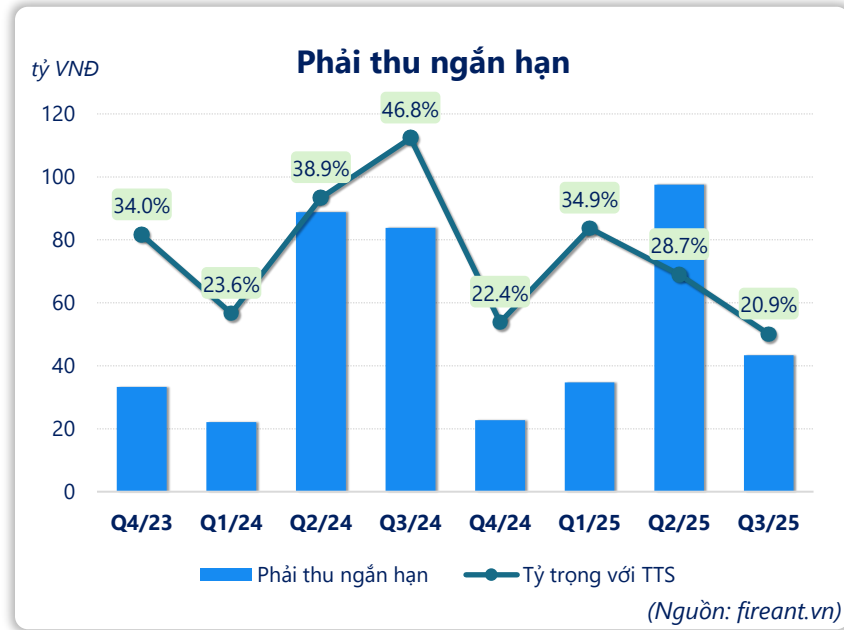
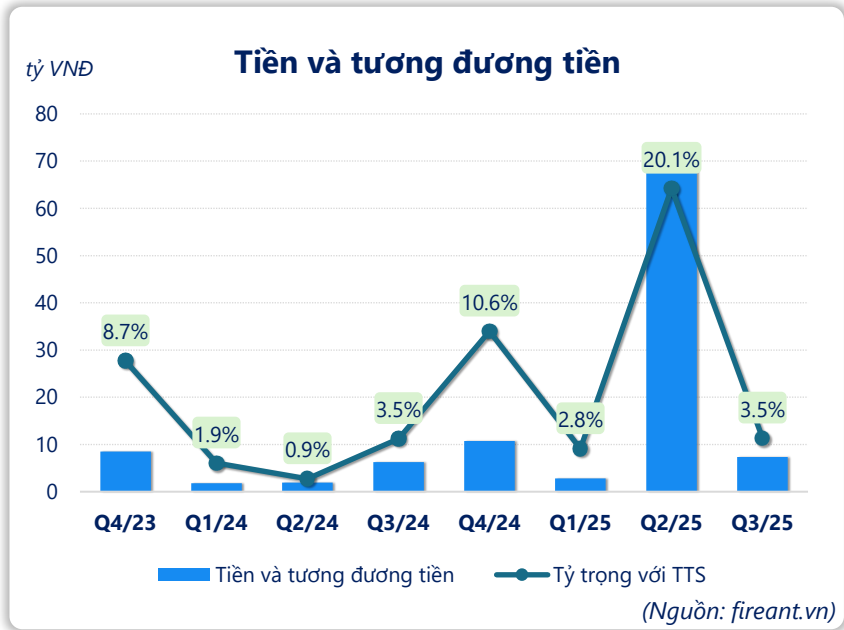
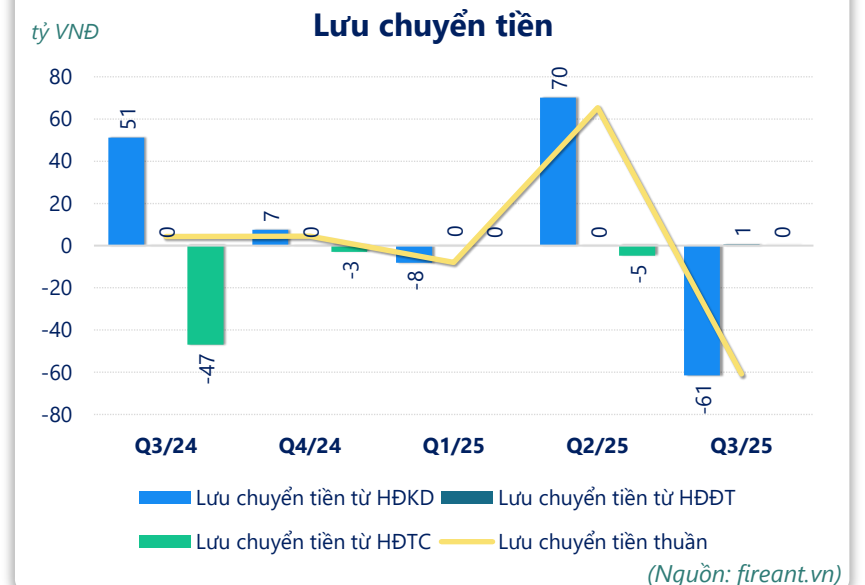
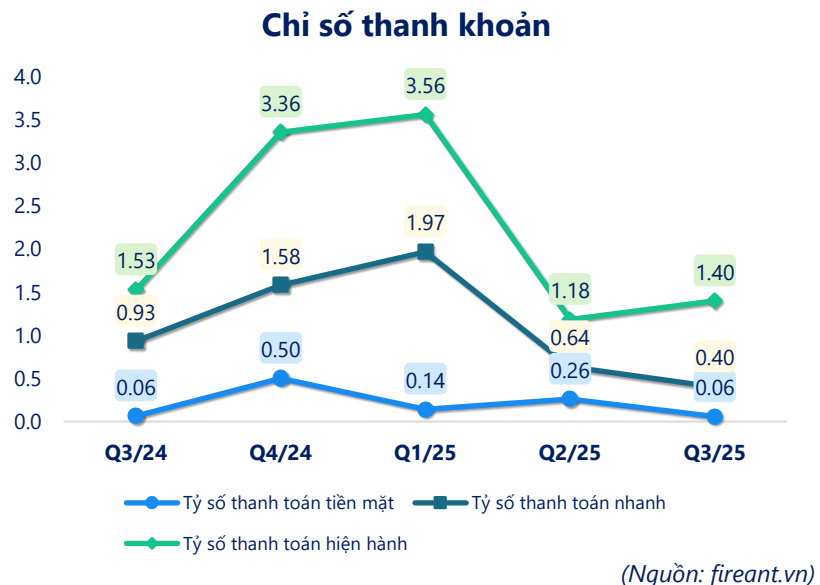
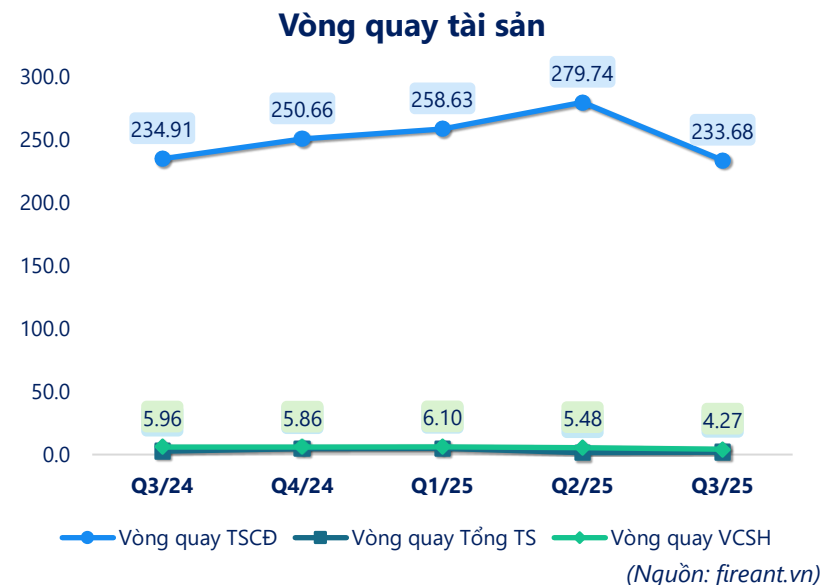
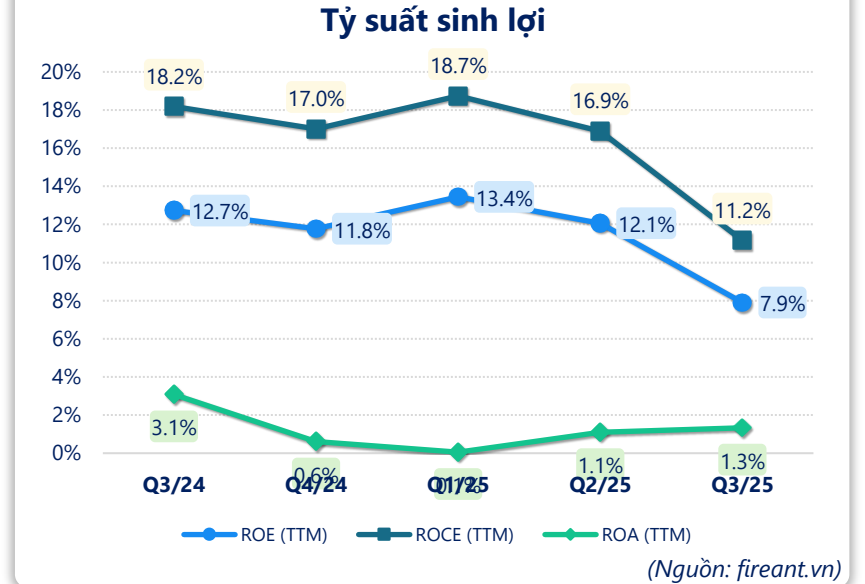
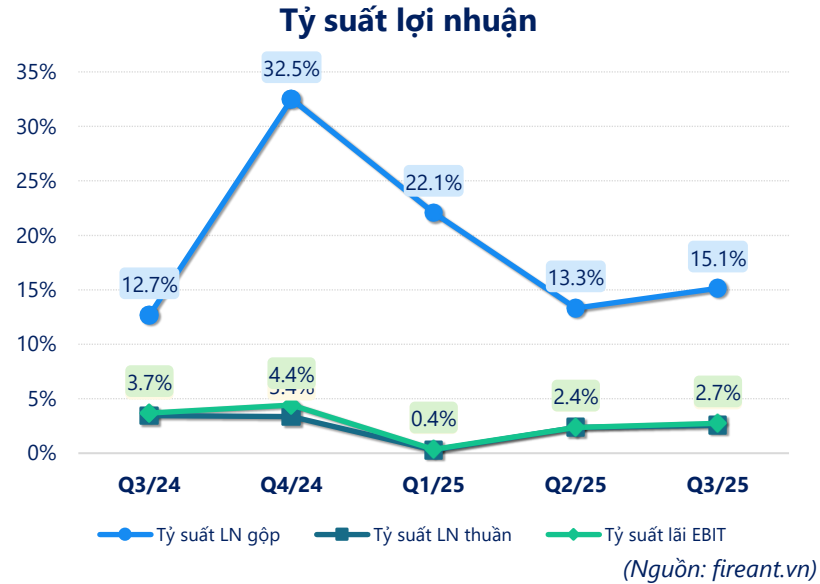
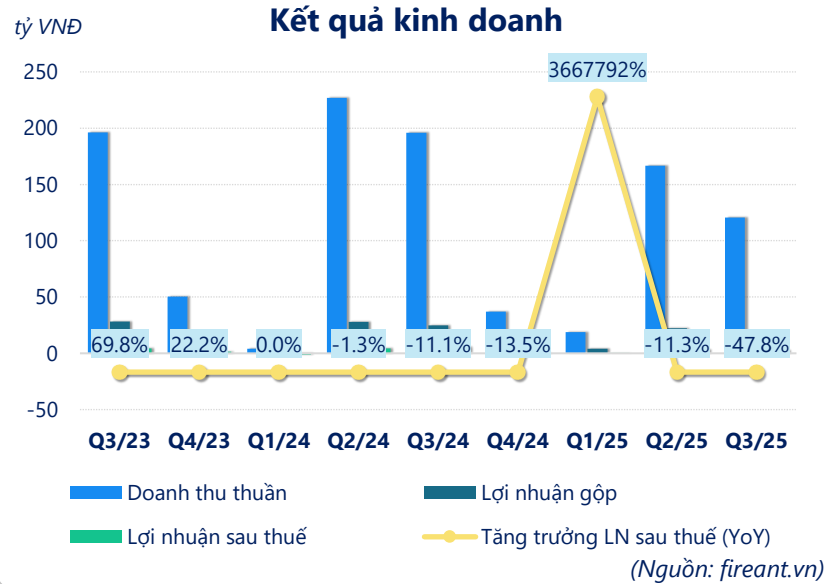


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		12,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		14,070
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		11,478
SL cổ phiếu LH		4,405,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		1,785
% sở hữu nước ngoài		0.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		53
P/E		8.3
EPS		1,442

	YTD	1T	3T	6T
SMN	-7.4%	0.0%	-2.4%	-2.4%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	208	101	105%
Tài sản ngắn hạn	179	72.2	148%
Tiền và tương đương tiền	7.36	10.7	-31.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	43.3	22.7	90.7%
Hàng tồn kho	128	38.2	235%
Tài sản ngắn hạn khác	0.76	0.56	34.3%
Tài sản dài hạn	28.4	29.1	-2.4%
Phải thu dài hạn	14.9	14.9	0.0%
Tài sản cố định	1.26	1.48	-14.6%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.04	0.03	52.2%
Đầu tư tài chính dài hạn	3.33	3.33	0.0%
Tài sản dài hạn khác	8.92	9.40	-5.2%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	128	21.6	493%
Nợ ngắn hạn	128	21.6	493%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	113	13.4	745%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	79.5	79.7	-0.3%
Vốn chủ sở hữu	79.5	79.7	-0.3%
Vốn điều lệ	44.1	44.1	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	196	37.2	18.7	167	120
Giá vốn hàng bán	171	25.1	14.6	145	102
Lợi nhuận gộp	24.8	12.1	4.13	22.2	18.2
Doanh thu HĐTC	0.09	4.48	0.17	0.11	0.44
Chi phí TC	0.52	0.09	0	0.05	0.07
Chi phí lãi vay	0.40	0.00	0	0.03	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	13.5	7.88	1.94	13.6	10.5
Chi phí QLDN	4.16	7.34	2.31	4.72	4.99
LN thuần từ HĐKD	6.76	1.25	0.05	3.92	3.08
Lợi nhuận khác	0.07	0.39	0.01	0.00	0.23
LN trước thuế	6.84	1.64	0.07	3.92	3.31
Lợi nhuận sau thuế	5.44	0.60	0.05	3.11	2.58
LNST của CĐ cty mẹ	5.44	0.60	0.05	3.11	2.58

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	51.2	7.45	-8.08	70.2	-61.4
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.06	0.00	0.16	0.00	0.54
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-46.9	-3.00	0	-4.85	0.09
Tiền đầu kỳ	1.95	6.29	10.7	2.83	68.2
Lưu chuyển tiền thuần	4.35	4.46	-7.92	65.3	-60.8
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	6.29	10.8	2.83	68.2	7.36

(Nguồn: fireant.vn)